

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn DIC") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Tập đoàn DIC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 13 tháng 03 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung.

Hoạt động chính của Tập đoàn DIC là đầu tư phát triển các khu đô thị mới và khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, công trình giao thông, thủy lợi; tư vấn đầu tư, quản lý dự án; mua bán vật liệu xây dựng; kinh doanh dịch vụ du lịch và giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

Trụ sở chính của Tập đoàn DIC tại số 15 Thi Sách, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiện Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phó Chủ tịch	(Từ ngày 18/02/2022)
Ông Hoàng Văn Tăng	Thành viên	
Ông Phan Văn Danh	Thành viên độc lập	
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	(Đến ngày 18/02/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Tăng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Liêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Tín	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	(Từ ngày 18/02/2022)
Ông Chu Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	(Từ ngày 24/05/2021 đến 19/01/2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	(Đến ngày 18/02/2022)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Phan Văn Danh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn DIC trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Thiện Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Nguyễn Hùng Cường – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, được Ông Nguyễn Thiện Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền để ký phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 28/GUQ-DIC Corp-HĐQT ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Ông Hoàng Văn Tăng – Tổng Giám đốc Tập đoàn DIC, được Ông Nguyễn Thiện Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền để ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 11/UQ-DIC Corp-HĐQT ngày 15 tháng 03 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Tập đoàn DIC.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn DIC chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn DIC trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn DIC cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn DIC sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn DIC đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn DIC, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn DIC và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn DIC cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn DIC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 của Tập đoàn DIC được trình bày từ trang 06 đến trang 40 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Hùng Cường
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 29 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Tăng
Tổng Giám đốc

Số: 51-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng ("Tập đoàn DIC") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn DIC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tập đoàn DIC theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tập đoàn DIC có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn DIC liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn DIC. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

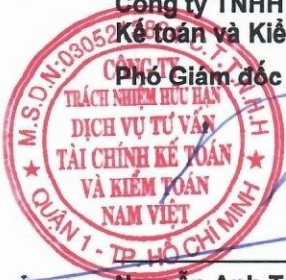
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 03 năm 2023

Kiểm toán viên



Nguyễn Văn Tình

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3919-2022-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.196.169.722.932	10.698.235.753.018
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	226.795.681.595	976.496.694.483
1. Tiền	111		217.305.466.176	357.024.156.224
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.490.215.419	619.472.538.259
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		127.900.000.000	2.687.992.265.983
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	127.900.000.000	2.687.992.265.983
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.086.779.198.967	3.245.355.284.952
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	980.493.178.973	1.053.692.418.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	205.940.911.552	207.144.092.001
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	294.230.000.000	242.780.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	2.620.957.065.346	1.756.580.731.048
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(14.841.956.904)	(14.841.956.904)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	4.566.340.198.977	3.596.613.620.752
1. Hàng tồn kho	141		4.566.340.198.977	3.596.613.620.752
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		188.354.643.393	191.777.886.848
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	154.700.653.988	175.307.812.659
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.899.832.525	542.400.157
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	12.754.156.880	15.927.674.032
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.989.042.774.141	5.471.411.818.789
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.381.153.760.509	4.165.072.967.009
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	-	54.800.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	2.381.153.760.509	4.110.272.967.009
II. Tài sản cố định	220		44.859.175.901	47.136.765.886
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	41.416.314.033	43.337.533.434
- Nguyên giá	222		85.546.407.054	82.497.538.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.130.093.021)	(39.160.005.476)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.442.861.868	3.799.232.452
- Nguyên giá	228		3.689.239.600	4.216.976.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(246.377.732)	(417.744.148)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	103.767.439.988	106.656.556.640
- Nguyên giá	231		144.455.832.878	144.455.832.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(40.688.392.890)	(37.799.276.238)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.245.048.503	1.248.000.503
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.245.048.503	1.248.000.503
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	2.458.017.349.240	1.150.785.883.420
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.323.937.963.353	1.190.099.616.253
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		447.522.688.500	209.522.748.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		61.974.545.019	61.975.077.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(404.417.847.632)	(343.811.558.333)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		29.000.000.000	33.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	511.645.331
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	-	511.645.331
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.185.212.497.073	16.169.647.571.807



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

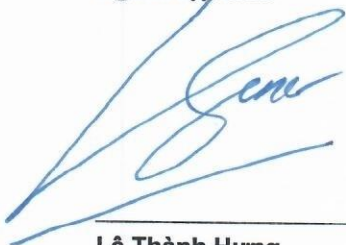
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.761.148.016.530	8.807.082.901.362
I. Nợ ngắn hạn	310		3.808.650.042.442	4.382.097.701.499
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	621.525.737.159	219.367.566.792
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.451.428.205.672	1.731.611.334.453
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	81.048.390.461	335.684.670.025
4. Phải trả người lao động	314		19.084.186.728	14.578.489.449
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	205.221.602.432	144.185.446.945
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	3.410.599.632	3.410.599.632
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	704.643.003.096	1.526.581.054.959
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	657.938.012.396	383.129.732.886
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		64.350.304.866	23.548.806.358
II. Nợ dài hạn	330		2.952.497.974.088	4.424.985.199.863
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	117.817.043.372	121.191.279.364
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	19.600.000.000	19.849.120.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	2.815.080.930.716	4.283.944.800.499
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.424.064.480.543	7.362.564.670.445
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	7.424.064.480.543	7.362.564.670.445
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.098.519.950.000	4.998.909.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.098.519.950.000	4.998.909.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.046.337.538.421	1.121.119.538.421
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		82.002.783.070	227.445.532.653
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		197.204.209.052	1.015.089.979.371
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66.504.521.314	26.520.298.796
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		130.699.687.738	988.569.680.575
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.185.212.497.073	16.169.647.571.807

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thành Hưng

Ngày 29 tháng 03 năm 2023



Bùi Văn Sự



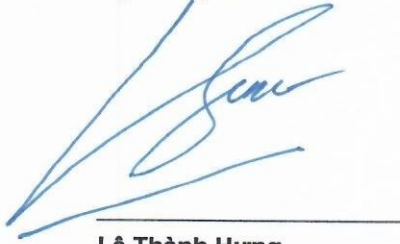
Hoàng Văn Tăng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.186.549.353.622	2.042.249.988.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	29.707.318.113	15.566.720.497
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.156.842.035.509	2.026.683.268.449
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	600.402.035.765	1.233.238.788.502
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		556.439.999.744	793.444.479.947
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	85.610.399.032	35.347.781.236
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	292.220.290.687	69.292.148.650
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		220.242.839.269	82.185.812.180
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	63.969.229.920	160.523.074.724
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	112.482.330.674	115.566.989.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		173.378.547.495	483.410.048.128
11. Thu nhập khác	31	VI.9	6.070.588.531	879.010.112.441
12. Chi phí khác	32	VI.10	10.716.888.171	85.615.405.328
13. Lợi nhuận khác	40		(4.646.299.640)	793.394.707.113
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		168.732.247.855	1.276.804.755.241
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	38.032.560.117	288.235.074.666
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		130.699.687.738	988.569.680.575

Người lập biểu



Lê Thành Hưng

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng



Bùi Văn Sự

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Tăng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	168.732.247.855	1.276.804.755.241
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	9.305.416.967	10.127.595.137
- Các khoản dự phòng	03	60.606.289.299	(17.307.181.557)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(246.520)	(7.951)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(86.010.895.260)	(838.183.753.636)
- Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06	231.595.220.221	85.513.770.432
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	384.228.032.562	516.955.177.666
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	941.329.657.547	(1.876.195.729.592)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(969.726.578.225)	259.203.043.878
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(814.758.682.286)	(391.940.664.269)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	21.118.804.002	(86.711.931.019)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(243.772.881.417)	(3.055.415.592)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(254.581.962.032)	(127.553.395.515)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(28.398.379.132)	(26.903.298.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(964.561.988.981)	(1.736.202.213.125)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.614.419.060)	(13.238.603.942)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	879.403.478	1.488.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(1.000.000.000)	(3.177.027.199.983)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	2.568.442.265.983	417.206.165.700
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.146.438.287.100)	(78.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.575.439	57.463.832.000
7. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	66.239.828.776	21.076.068.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.483.511.367.516	(2.771.631.556.119)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.724.584.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.187.659.337.320	4.205.330.562.316
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.456.302.738.263)	(829.889.867.141)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.237.000)	(75.898.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.268.650.637.943)	5.099.948.797.045



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(749.701.259.408)	592.115.027.801
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	976.496.694.483	384.381.658.731
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	246.520	7.951
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	226.795.681.595	976.496.694.483

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thành Hưng

Bùi Văn Sự

Hoàng Văn Tăng

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 13 tháng 03 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung.

Trụ sở chính của Tập đoàn DIC tại số 15 Thi Sách, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn DIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 301 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 368).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn DIC là kinh doanh bất động sản, xây dựng và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn DIC là đầu tư phát triển các khu đô thị mới và khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, công trình giao thông, thủy lợi; tư vấn đầu tư, quản lý dự án; mua bán vật liệu xây dựng; kinh doanh dịch vụ du lịch và giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn DIC có 10 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp. Thông tin khái quát về các công ty con của Tập đoàn DIC như sau :

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty TNHH Du lịch DIC	Số 169 Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ và thương mại	78,30	78,30
Công ty CP Thủy Cung DIG (i)	Số 265, Đường Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây lắp, kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, thể thao	95,0	95,0
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Nam	Số 12B, Đường Đinh Công Tráng, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam	Đầu tư kinh doanh phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp, nhà và hạ tầng kỹ thuật	100	100
Công ty CP Gạch men Anh Em DIC	KCN Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất sản phẩm gốm sứ, bán buôn vật liệu, khai thác khoáng sản	89,03	89,03
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Số 1	Số 265, Đường Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đầu tư kinh doanh phát triển các khu đô thị và khu công nghiệp, đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị	51,67	51,67

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2	Số 5, đường số 6, Khu đô thị Chí Linh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, xây; kinh doanh bất động sản	50,13	50,13
Công ty CP Đầu tư Phát triển Tâm nhìn DIC	Số 265, đường Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh bất động sản; hoạt động tư vấn quản lý; giáo dục, đào tạo; hoạt động chăm sóc, điều dưỡng	98,67	98,67
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại DIC	Số 265, đường Lê Hồng Phong, phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh bất động sản; môi giới bất động sản; tư vấn đầu tư, quản lý dự án	98,67	98,67
Công ty TNHH Đại Phước Thiên An	Xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản	99,96	99,96
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp DIC	Số 15 Thi Sách, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đầu tư Khu công nghiệp	100	100
Công ty CP Đầu tư Phát triển Du lịch thể thao Vũng Tàu (Sở hữu gián tiếp)	B12 Khu trung tâm đô thị Chí Linh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh sân golf và các dịch vụ liên quan	82,24	64,39
Công ty CP Sport TOTO Việt Nam (Sở hữu gián tiếp)	B12 Khu trung tâm đô thị Chí Linh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hoạt động tư vấn quản lý	65,70	42,31
Công ty CP Phát triển E&S (Sở hữu gián tiếp)	B12 Khu trung tâm đô thị Chí Linh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	98,00	63,11

(i) Ngày 17 tháng 02 năm 2023, Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ra thông báo số 343/TB-ĐKKD về việc Giải thể doanh nghiệp.

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn DIC có 4 công ty liên kết trực tiếp. Thông tin khái quát về các công ty liên kết của Tập đoàn DIC như sau :

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Công ty CP Xây dựng DIC Holdings	Tòa nhà Ruby Tower - số 12, đường 3 tháng 2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây lắp	35,89	35,89
Công ty CP bất động sản D.I.C	Số 118 Gateway B, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bất động sản	42,68	42,68
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Bê tông	Số 169 Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất bê tông	36,00	36,00
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam	Số 15 Thi Sách, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	43,35	43,35



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong năm Tập đoàn DIC không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn DIC bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn DIC áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn DIC đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên doanh liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn DIC không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5. Nguyên tắc kế toán phải thu về cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Bất động sản được mua hoặc xây dựng với mục đích để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn DIC, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá được ghi nhận là hàng tồn kho. Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và các chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chi phí trực tiếp và chi phí chung khác có liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh thông thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị xuống cấp, chậm luân chuyển, bị hỏng và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	07 - 35 năm
- Máy móc thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	04 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 năm
- Quyền sử dụng đất	38 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn DIC bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tập đoàn DIC có thể dựa vào các bất động sản chủ sở hữu sử dụng cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao của bất động sản đầu tư.

- Nhà cửa vật kiến trúc	50 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, bất động sản đầu tư không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp được đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận giữa Tập đoàn DIC và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

- Nếu Tập đoàn DIC là bên kế toán và quyết toán thuế, phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Nếu Tập đoàn DIC không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn DIC được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào bất động sản dở dang trong năm nay là 389.271.274.027 đồng (năm trước là 96.644.243.240 đồng)

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn DIC không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn DIC đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn DIC được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong năm. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

388
NG T
GIEM H
U TU
NH K
GIEM T
M VII
P. HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Tập đoàn DIC và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	195.972.414	441.651.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	217.109.493.762	356.582.505.201
Các khoản tương đương tiền (i)	9.490.215.419	619.472.538.259
Cộng	226.795.681.595	976.496.694.483

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 từ 3%/năm đến 3,65%/năm).

2. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	127.900.000.000	127.900.000.000	2.687.992.265.983	2.687.992.265.983
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	127.900.000.000	127.900.000.000	1.496.900.000.000	1.496.900.000.000
Trái phiếu	-	-	1.191.092.265.983	1.191.092.265.983
Dài hạn	29.000.000.000	29.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
Trái phiếu (ii)	29.000.000.000	29.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
Cộng	156.900.000.000	156.900.000.000	2.720.992.265.983	2.720.992.265.983

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn đáo hạn ban đầu 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,7%/năm đến 7,65%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 từ 4,6%/năm đến 5,7%/năm).

(ii) Là các khoản trái phiếu ngân hàng với thời hạn đáo hạn là 7 năm đến 10 năm và hưởng lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,4%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con		2.323.937.963.353	(123.283.214.885)		1.190.099.616.253	(298.035.951.518)
Công ty TNHH Du lịch DIC	78,30	784.498.221.388	(36.828.261.821)	78,30	784.498.221.388	(214.770.225.893)
Công ty CP Thủy Cung DIG	95,0	147.250.000.000	-	95,0	147.250.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Nam	100,0	77.391.698.291	(7.092.542.586)	100,0	77.391.698.291	(7.224.992.713)
Công ty CP Gạch men Anh Em DIC	89,03	75.250.000.000	(75.250.000.000)	89,03	75.250.000.000	(75.250.000.000)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Số 1	51,67	14.726.900.000	-	51,67	14.726.900.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2	50,13	31.782.796.574	-	52,46	31.782.796.574	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Tầm nhìn DIC	98,67	29.600.000.000	(2.501.751.512)	98,67	29.600.000.000	(676.124.578)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại DIC	98,67	29.600.000.000	(1.610.658.966)	98,67	29.600.000.000	(114.608.334)
Công ty TNHH Đại Phước Thiên An	99,96	1.133.538.347.100	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp DIC	100	300.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		447.522.688.500	(225.400.000.000)		209.522.748.500	-
Công ty CP Xây dựng DIC Holdings	35,89	171.602.184.500	-	35,89	171.602.184.500	-
Công ty CP Bất động sản D.I.C	42,68	19.938.000.000	-	42,68	19.938.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Bê tông	36,00	30.582.504.000	-	36,00	17.982.564.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển Phương Nam	43,35	225.400.000.000	(225.400.000.000)	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		61.974.545.019	(55.734.632.747)		61.975.077.000	(45.775.606.815)
Công ty CP Đầu tư và Thương mại DIC	14,75	40.204.950.907	(35.734.632.747)	14,75	40.204.950.907	(25.775.606.815)
Công ty CP Cao su Phú Riêng – Kratie	5,00	20.000.000.000	(20.000.000.000)	5,00	20.000.000.000	(20.000.000.000)
Công ty CP Vina Đại Phước	-	1.610.000.000	-	-	1.610.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An	-	159.594.112	-	-	160.126.093	-
Cộng		2.833.435.196.872	(404.417.847.632)		1.461.597.441.753	(343.811.558.333)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Khách hàng Dự án Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên (i)	429.828.320.169	378.731.652.827
Khách hàng Dự án Chung cư Vũng Tàu Gateway	276.497.899.593	373.095.666.620
Khách hàng Dự án Khu căn hộ cao cấp DIC Phoenix	108.347.184.716	130.062.836.683
khách hàng Dự án DIC Star Aparts Hotel Vũng Tàu-CSJ	32.408.117.844	25.722.176.143
Khách hàng Dự án Trung tâm Chí Linh - Vũng Tàu	22.956.895.041	22.717.503.041
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác (ii)	110.454.761.610	123.362.583.493
Cộng	980.493.178.973	1.053.692.418.807

Trong đó:

Phải thu khách hàng ngắn hạn là Bên thứ ba	974.136.401.447	1.044.746.921.379
Phải thu khách hàng ngắn hạn là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	6.356.777.526	8.945.497.428

- (i) Giá trị khoản phải thu khách hàng từ dự án trên đã được thế chấp cho các khoản vay dài hạn như trình bày tại thuyết minh V.19.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có phải thu khách hàng nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba	19.440.937.420	20.644.117.869
Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	186.499.974.132	186.499.974.132
Cộng	205.940.911.552	207.144.092.001

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	294.230.000.000	242.780.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam	241.430.000.000	242.780.000.000
Công ty CP Gạch men Anh Em DIC	52.800.000.000	-
Dài hạn	-	54.800.000.000
Công ty CP Gạch men Anh Em DIC	-	54.800.000.000
Cộng	294.230.000.000	297.580.000.000
<u>Trong đó:</u>		
Cho bên thứ ba vay	-	-
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh VIII.2)	294.230.000.000	297.580.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Phải thu khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	2.620.957.065.346	1.756.580.731.048
Tạm ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng	2.202.688.346.922	1.389.442.338.257
Dự án Long Tân	1.420.721.212.400	909.786.187.600
Dự án Bắc Vũng Tàu	646.596.064.278	415.991.005.638
Dự án Chí Linh	128.561.070.244	56.855.145.019
Dự án Hiệp Phước	4.810.000.000	4.810.000.000
Dự án Bà Trưng	2.000.000.000	2.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	229.757.243.896	178.625.699.519
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	84.748.862.845	87.191.647.357
Lãi tiền gửi, tiền cho vay dự thu	26.994.235.792	43.444.551.558
Chi hộ	62.812.831.836	44.374.983.638
Phải thu khác	13.955.544.055	13.501.510.719
Phải thu dài hạn khác	2.381.153.760.509	4.110.272.967.009
Hợp tác đầu tư phát triển dự án (i)		
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thiên Tân	1.298.153.760.510	1.298.153.760.510
Công ty CP Logistics Cái Mép	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng A.T.A	79.999.999.999	79.999.999.999
Công ty CP Đầu tư Thương mại DIC	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Đức Hòa III - Resco	-	1.729.119.206.500
Cộng	5.002.110.825.855	5.866.853.698.057

Trong đó:

Phải thu khác từ Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	176.361.162.536	170.247.013.040
---	-----------------	-----------------

(i) Đây là khoản tiền chi hợp tác đầu tư phát triển dự án với Bên thứ ba. Hình thức của hợp đồng hợp tác này là BCC chia lợi nhuận. Tập đoàn DIC sẽ được phân chia lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia. Khoản tiền này cùng với lợi nhuận phân chia Tập đoàn DIC sẽ nhận được theo thỏa thuận của hợp đồng.

7. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Ông Lê Văn Hường	8.318.000.000	(8.318.000.000)	8.318.000.000	(8.318.000.000)
Ông Nguyễn Sơn Lâm	6.392.487.348	(6.392.487.348)	6.392.487.348	(6.392.487.348)
Đối tượng khác	131.469.556	(131.469.556)	131.469.556	(131.469.556)
Cộng	14.841.956.904	(14.841.956.904)	14.841.956.904	(14.841.956.904)

1388
 CÔNG T
 HIỆM H
 VỤ T
 NH K
 HIỆM T
 AM VI
 P. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Bất động sản đang xây dựng (*)	4.539.607.737.141	-	3.546.213.482.644	-
Thành phẩm bất động sản	22.109.599.529	-	46.386.951.092	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.423.231.577	-	2.568.985.643	-
Hàng hoá	2.199.630.730	-	1.109.507.373	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	334.694.000	-
Cộng	4.566.340.198.977	-	3.596.613.620.752	-

(*) Bất động sản đang xây dựng bao gồm chi phí đầu tư và phát triển của các dự án sau:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên (i)	1.966.148.860.619	1.903.832.739.363
Dự án Khu dân cư phường 4, Hậu Giang (i)	757.567.320.113	384.487.815.123
Dự án Khu du lịch Long Tân, Nhơn Trạch	481.054.996.650	118.691.742.123
Dự án Khu phức hợp Cap Saint Jacques	317.718.382.117	328.167.936.838
Dự án Block B Pullman, Vũng Tàu	278.262.411.361	278.262.411.361
Dự án Block D Pullman, Vũng Tàu	121.940.813.355	40.212.641.226
Dự án Khu du lịch đô thị sinh thái Đại Phước (i)	187.863.745.603	182.184.448.198
Dự án Khu nhà ở Lam Hạ Center Point, Thành phố Thủ Lý, Hà Nam	173.467.496.920	61.131.433.437
Dự án Khu đô thị đường 51B, Vũng Tàu	99.729.793.872	39.715.428.238
Dự án Khu dân cư Hiệp Phước, Nhơn Trạch	56.072.223.031	151.647.752.450
Các dự án khác	99.781.693.500	57.879.134.287
Cộng	4.539.607.737.141	3.546.213.482.644

(i) Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay của các dự án trên đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn được trình bày tại các thuyết minh V.19.

9. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	154.700.653.988	175.307.812.659
Chi phí môi giới dự án chờ phân bổ theo doanh thu bất động sản	153.589.510.164	173.919.519.536
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.111.143.824	1.388.293.123
Chi phí trả trước dài hạn	-	511.645.331
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	11.061.499
Chi phí khác	-	500.583.832
Cộng	154.700.653.988	175.819.457.990



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

						Đơn vị tính: VND	
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	26.061.102.768	5.695.931.313	45.797.032.234	4.512.252.140	431.220.455	82.497.538.910	
Mua trong năm	-	494.008.300	3.615.690.909	419.671.851	88.000.000	4.617.371.060	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.250.072.916)	(192.830.000)	(125.600.000)	(1.568.502.916)	
Số dư cuối năm	26.061.102.768	6.189.939.613	48.162.650.227	4.739.093.991	393.620.455	85.546.407.054	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	11.518.698.265	3.982.449.583	19.993.393.644	3.356.715.409	308.748.575	39.160.005.476	
Khấu hao trong năm	804.128.124	732.615.489	4.139.223.348	673.460.532	50.447.642	6.399.875.135	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.250.072.916)	(131.027.800)	(48.686.874)	(1.429.787.590)	
Số dư cuối năm	12.322.826.389	4.715.065.072	22.882.544.076	3.899.148.141	310.509.343	44.130.093.021	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	14.542.404.503	1.713.481.730	25.803.638.590	1.155.536.731	122.471.880	43.337.533.434	
Tại ngày cuối năm	13.738.276.379	1.474.874.541	25.280.106.151	839.945.850	83.111.112	41.416.314.033	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.502.371.852 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 9.084.253.858 đồng).

Một số tài sản cố định của Tập đoàn DIC vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn được trình bày tại thuyết minh V.19.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.689.239.600	527.737.000	4.216.976.600
Thanh lý, nhượng bán	-	(527.737.000)	(527.737.000)
Số dư cuối năm	3.689.239.600	-	3.689.239.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	229.952.552	187.791.596	417.744.148
Khấu hao trong năm	16.425.180	-	16.425.180
Thanh lý, nhượng bán	-	(187.791.596)	(187.791.596)
Số dư cuối năm	246.377.732	-	246.377.732
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.459.287.048	339.945.404	3.799.232.452
Tại ngày cuối năm	3.442.861.868	-	3.442.861.868

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất và hạ tầng cho thuê	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	144.455.832.878	
Số dư cuối năm	144.455.832.878	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	37.799.276.238	
Khấu hao trong năm	2.889.116.652	
Số dư cuối năm	40.688.392.890	
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	106.656.556.640	
Tại ngày cuối năm	103.767.439.988	

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Dự án Khu đô thị du lịch sinh thái Đại Phước tại Xã Đại Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, thời hạn sở hữu đến ngày 15 tháng 11 năm 2054.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba	200.542.467.846	67.610.994.763
Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	40.640.917.329	-
Phải trả người bán khác (i)	159.901.550.517	67.610.994.763
Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	420.983.269.313	151.756.572.029
Cộng	621.525.737.159	219.367.566.792

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có phải trả người bán nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Khách hàng Dự án Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên	1.086.756.349.110	900.874.843.712
Khách hàng Dự án du lịch Đô thị Sinh thái Đại Phước	111.620.206.117	106.966.657.130
Khách hàng Dự án Khu phức hợp Cap Saint Jacques	83.368.722.712	326.741.275.791
Khách hàng Dự án Chung cư Vũng Tàu Gateway	56.602.494.874	139.501.821.945
Khách hàng Dự án Khu trung tâm Chí Linh - Vũng Tàu	50.168.792.579	50.168.792.579
Khách hàng Dự án Khu dân cư Hiệp Phước	49.231.742.611	173.471.255.601
Khách hàng Dự án Khu căn hộ cao cấp DIC Phoenix	3.266.370.125	23.574.364.287
Khách hàng các dự án khác	10.413.527.544	10.312.323.408
Cộng	1.451.428.205.672	1.731.611.334.453

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/cán trừ nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp	335.684.670.025	162.193.686.707	416.817.881.676	81.060.475.056
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.110.656.711	18.974.696.897	22.085.353.608	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	242.493.702.996	38.032.560.117	254.581.962.032	25.944.301.081
Thuế thu nhập cá nhân	2.189.310.139	3.607.440.416	5.543.001.587	253.748.968
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	79.641.635.146	147.963.330	135.878.735	12.084.595
Các loại thuế khác	8.249.365.033	16.147.185.745	44.516.461.926	51.272.358.965
Thuế phải thu	15.927.674.032	12.922.839.627	9.749.322.475	12.754.156.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	15.898.941.707	12.894.107.302	9.709.270.006	12.714.104.411
Các loại thuế khác	28.732.325	28.732.325	40.052.469	40.052.469

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Chi phí lãi vay phải trả	58.168.326.000	81.698.368.148
Chi phí các dự án	146.370.899.497	60.407.413.012
Chi phí phải trả khác	682.376.935	2.079.665.785
Cộng	205.221.602.432	144.185.446.945

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	3.410.599.632	3.410.599.632
Doanh thu nhận trước cho thuê sân golf Đại Phước	3.374.235.992	3.374.235.992
Doanh thu khác	36.363.640	36.363.640
Dài hạn	117.817.043.372	121.191.279.364
Doanh thu nhận trước cho thuê sân golf Đại Phước	117.817.043.372	121.191.279.364
Cộng	121.227.643.004	124.601.878.996

18. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	704.643.003.096	1.526.581.054.959
Nhận đặt cọc chuyển nhượng vốn góp	230.396.515.470	1.098.011.652.900
Thu hồi vốn nhận rồi từ công ty con	156.474.671.181	157.884.645.326
Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh	136.388.584.457	116.388.584.457
Lệ phí trước bạ, quỹ bảo trì chung cư (i)	76.167.099.268	96.536.008.445
Chi phí đền bù, giải tỏa phải trả	29.726.027.982	24.773.442.950
Cổ tức phải trả	1.050.020.627	1.057.257.627
Nhận đặt cọc từ khách hàng	15.541.588.589	14.163.848.004
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.284.527.500	5.791.327.500
Phải trả khác	48.613.968.022	11.974.287.750
Phải trả dài hạn khác	19.600.000.000	19.849.120.000
Nhận hợp tác đầu tư các dự án bất động sản (ii)	19.600.000.000	19.600.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	249.120.000
Cộng	724.243.003.096	1.546.430.174.959

Trong đó:

Phải trả khác là Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2) 202.743.927.581 157.884.645.326

(i) Quỹ bảo trì thể hiện tiền 2% tổng giá trị hợp đồng thuần mà Tập đoàn DIC đã thu từ khách hàng. Số tiền này sẽ được chuyển cho Ban quản trị chung cư khi thành lập.

(ii) Đây là khoản tiền hợp tác đầu tư phát triển dự án với Bên thứ ba. Hình thức của hợp đồng hợp tác này là BCC chia lợi nhuận. Tập đoàn DIC sẽ được phân chia lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia. Khoản tiền này cùng với lợi nhuận phân chia Tập đoàn DIC sẽ nhận được theo thỏa thuận của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải trả khác nào quá hạn chưa thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2022 VND
Vay ngắn hạn	383.129.732.886	1.129.111.017.773	854.302.738.263	657.938.012.396
Vay ngân hàng và cá nhân (Thuyết minh 19.1)	69.989.048.375	785.412.613.735	539.162.053.752	316.239.608.358
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19.2)	313.140.684.511	343.698.404.038	315.140.684.511	341.698.404.038
Vay dài hạn	4.283.944.800.499	476.834.534.255	1.945.698.404.038	2.815.080.930.716
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.2)	896.695.472.384	402.246.723.585	345.698.404.038	953.243.791.931
Trái phiếu thường phát hành (Thuyết minh 19.3)	3.387.249.328.115	74.587.810.670	1.600.000.000.000	1.861.837.138.785
Cộng	4.667.074.533.385	1.605.945.552.028	2.800.001.142.301	3.473.018.943.112

19.1. Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số dư cuối năm VND	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai	100.000.000.000	9,5	12.996,8 m2 đất ở theo GCNQSDĐ và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN981924 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 20/5/2014 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 194.952.000.000 đồng.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	26.739.608.358	8,1 - 10,2	Quyền sử dụng đất sản xuất kinh doanh tại phường 5, thành phố Vũng Tàu; tài sản trên đất tại Biệt thự Tiên Sa và Văn phòng làm việc tại 265 Lê Hồng Phong, thành phố Vũng Tàu với tổng giá trị thế chấp 22.766.000.000 đồng.
Ông Đào Thanh Phương	189.500.000.000	6,0	Tín chấp
Cộng	316.239.608.358		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2. Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số dư cuối năm VND	Phân loại thành nợ đến hạn trả VND	Thời hạn vay	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Bình Xuyên	473.814.458.320	211.474.000.000	Đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	13%	<p>95 quyền sử dụng đất tại Dự án KĐT mới Nam Vĩnh yên - Giai đoạn 1 - Phân khu 1 đứng tên Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng với tổng diện tích là 30.195 m2.</p> <p>- Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia và sử dụng, khai thác, và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn;...) của Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng phát sinh từ Dự án Khu đô thị Nam Vĩnh yên Giai đoạn 1 - Phân khu 2,3.</p> <p>- 133 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Dự án KĐT mới Nam Vĩnh yên - Giai đoạn 1 - Phân khu 2 đứng tên Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng với tổng diện tích là 26.690,9 m2.</p> <p>- Các tài sản gắn liền với đất của dự án hình thành thuộc Dự án KĐT Nam Vĩnh Yên GĐ1, PK2,3 bao gồm nhưng không giới hạn đường giao thông, sân đường nội bộ và các tài sản khác thuộc Dự án KĐT Nam Vĩnh Yên GĐ1, PK2,3. Các quyền, lợi ích, khoản thanh toán liên quan đến quyền SDĐ và tài sản gắn liền với đất.</p> <p>- Toàn bộ động sản hình thành thuộc Dự án KĐT mới Nam Vĩnh yên</p> <p>- Giai đoạn 1 - Phân khu 2,3 bao gồm nhưng không giới hạn hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, hàng rào, cổng, cây xanh cảnh quan, hành lang điện và các tài sản khác thuộc Dự án KĐT Nam Vĩnh Yên GĐ1, PK2,3.</p> <p>- 570 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Dự án KĐT mới Nam Vĩnh yên - Giai đoạn 1 - Phân khu 2 đứng tên Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng với tổng diện tích là 84.299,4 m2.</p> <p>- Các quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng đầu ra của các tài sản hình thành từ DA Nam Vĩnh Yên, GĐ1, PK2,3.</p>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	136.000.000.000	20.000.000.000	Đến ngày 01 tháng 11 năm 2028	11,5%	<p>Thửa đất số 667 với diện tích 7.920 m² tại Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, tờ bản đồ số 16, thửa đất số 805 và 806 với diện tích 17.341 m² tại Xã Thanh Trù, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Dự án khu tổ hợp Khách sạn DIC Star.</p> <p>- Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia và sử dụng, khai thác, và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn;...) của Tổng công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng phát sinh từ Dự án Khu tổ hợp Khách sạn DIC Star.</p>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	244.230.118.971	-	Đến ngày 01 tháng 12 năm 2025	8,9%	Quyền tài sản từ 834.644,6 m ² tại dự án Khu Dân cư Vị Thanh, phường 4, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; 435 thửa đất có tổng diện tích 169.006 m ² , 230 thửa đất có tổng diện tích 25.517,8 m ² tại dự án Khu Dân cư Vị Thanh, phường 4, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	440.897.618.678	110.224.404.038	Đến ngày 16 tháng 03 năm 2026	10,6%- 15,1%	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản phát sinh từ dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc Vũng Tàu (diện tích 19,6ha) tại phường 12, thành phố Vũng Tàu, Quyền sử dụng 9.282 m ² đất ở đô thị và toàn bộ tài sản hình thành trên đất tại Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu và Quyền sử dụng 4.082,6 m ² đất thương mại, dịch vụ và công trình xây dựng trên đất là Trung tâm Hội nghị triển lãm Quốc tế thành phố Vũng Tàu, do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Phương Nam thế chấp bảo lãnh.
Cộng	1.294.942.195.969	341.698.404.038			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3. Chi tiết trái phiếu và chi phí phát hành như sau:

	01/01/2022 VND	Tăng VND	Giảm/(phân bổ chi phí phát hành trái phiếu) VND	31/12/2022 VND
Trái phiếu thường phát hành	3.500.000.000.000	-	1.600.000.000.000	1.900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(112.750.671.885)	-	(74.587.810.670)	(38.162.861.215)
Cộng	3.387.249.328.115	-	1.525.412.189.330	1.861.837.138.785

Đây là các khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu thường theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam bởi Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBank), bao gồm ba (3) Trái Phiếu với tổng mệnh giá là 3.500.000.000.000 đồng, chi tiết:

- Trái phiếu DIGH2124001: tổng giá trị 1.000.000.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, đáo hạn vào ngày 16/09/2024.

- Trái Phiếu DIGH2124002: tổng giá trị 1.000.000.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, đáo hạn vào ngày 30/09/2024. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 233 ngày 10/11/2022 thông qua phương án mua lại trái phiếu trước hạn và được sự đồng ý bán lại trái phiếu trước hạn của chủ sở hữu trái phiếu. Vào ngày 10/11/2022, Tập đoàn DIC đã thực hiện mua lại 539.000.000.000 đồng trái phiếu. Tổng giá trị trái phiếu còn lại đang lưu hành sau khi mua lại đến 31 tháng 12 năm 2022 là 461.000.000.000 đồng.

- Trái Phiếu DIGH2124003: tổng giá trị 1.500.000.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, đáo hạn vào ngày 26/11/2024. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 233 ngày 10/11/2022 thông qua phương án mua lại trái phiếu trước hạn và được sự đồng ý bán lại trái phiếu trước hạn của chủ sở hữu trái phiếu. Vào ngày 10/11/2022, Tập đoàn DIC đã thực hiện mua lại 1.061.000.000.000 đồng trái phiếu. Tổng giá trị trái phiếu còn lại đang lưu hành sau khi mua lại đến 31 tháng 12 năm 2022 là 439.000.000.000 đồng.

Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên ba (3) tháng bằng 11%/năm, các kỳ tính lãi sau được tính bằng: tổng của (i) 4,25%/năm và (ii) Lãi suất SP tiền gửi tiết kiệm KHCN 12 tháng trả sau cuối kỳ của HDBank tại ngày xác định lãi suất. Khoản huy động này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án "Khu Đô thị du lịch Long Tân" diện tích khoảng 331,9 ha, thuộc địa phận xã Long Tân và xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai thuộc sở hữu của Tập đoàn DIC. Quyền sử dụng đất của 80 thửa đất tại Khu đô thị du lịch sinh thái Đại Phước tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Cổ phiếu DIG và toàn bộ lợi tức, cổ tức (bằng tiền hoặc bằng tài sản khác) phát sinh từ số lượng cổ phiếu thể chấp tại HDBank thuộc sở hữu của Tập đoàn DIC.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	3.184.925.510.000	296.535.538.421	212.824.592.482	989.240.876.031	4.683.526.516.934
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	913.984.110.000	-	-	(913.984.110.000)	-
Phát hành cổ phiếu cho người lao động (ii)	150.000.000.000	74.782.000.000	-	-	224.782.000.000
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (iii)	750.000.000.000	749.802.000.000	-	-	1.499.802.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	988.569.680.575	988.569.680.575
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	14.620.940.171	(14.620.940.171)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(34.115.527.064)	(34.115.527.064)
Số dư cuối năm trước	4.998.909.620.000	1.121.119.538.421	227.445.532.653	1.015.089.979.371	7.362.564.670.445
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	849.728.490.000	-	-	(849.728.490.000)	-
Tăng vốn bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển (i)	249.881.840.000	(74.782.000.000)	(175.099.840.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	130.699.687.738	130.699.687.738
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	29.657.090.417	(29.657.090.417)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(69.199.877.640)	(69.199.877.640)
Số dư cuối năm nay	6.098.519.950.000	1.046.337.538.421	82.002.783.070	197.204.209.052	7.424.064.480.543

- (i) Ngày 22/07/2022, Tập đoàn DIC đã hoàn thành việc phát hành 109.961.033 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu là 849.728.490.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế và thưởng cổ phiếu là 249.881.840.000 đồng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 218/NQ-HĐQT DIC Group ngày 02/08/2022. Theo đó, vốn cổ phần của Tập đoàn DIC tăng từ 4.998.909.620.000 đồng lên 6.098.519.950.000 đồng.
- (ii) Ngày 31/08/2021, Tập đoàn DIC đã hoàn thành việc phát hành 15.000.000 cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành với giá phát hành là 15.000 đồng/cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 với mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 bao gồm chi trả lương, chi phí quản lý, chi đầu tư cho các dự án sử dụng nguồn vốn tự có, chi trả công nợ. Tổng tiền thu ròng từ đợt phát hành là 224.967.000.000 đồng đã được Tập đoàn DIC sử dụng để thanh toán các khoản theo như mục đích phát hành và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Ngày 07/10/2021, Tập đoàn DIC đã hoàn thành việc phát hành 75.000.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 02/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 28/01/2021 với mục đích sử dụng vốn là đầu tư dự án Khu đô thị mới Bắc Vũng Tàu, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 14/01/2022, Hội đồng quản trị có Nghị quyết số 192A/2022/NQ-DIC Corp-HĐQT thông qua việc thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 1.499.802.000.000 đồng, số tiền đã giải ngân tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.178.418.228.312 đồng cho mục đích sử dụng vốn phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã phê duyệt thông qua.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	4.998.909.620.000	3.184.925.510.000
Vốn góp tăng trong năm	1.099.610.330.000	1.813.984.110.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	6.098.519.950.000	4.998.909.620.000
Cổ tức đã chia	849.728.490.000	913.984.110.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	849.728.490.000	913.984.110.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	609.851.995	499.890.962
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	609.851.995	499.890.962
- Cổ phiếu phổ thông	609.851.995	499.890.962
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	609.851.995	499.890.962
- Cổ phiếu phổ thông	609.851.995	499.890.962

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Đơn vị	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại	USD	523,85	537,05

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	1.167.234.417.277	1.991.562.255.041
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.314.936.345	50.687.733.905
Cộng	1.186.549.353.622	2.042.249.988.946

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	29.707.318.113	15.566.720.497
Cộng	29.707.318.113	15.566.720.497



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần chuyển nhượng bất động sản	1.137.527.099.164	1.975.995.534.544
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	19.314.936.345	50.687.733.905
Cộng	1.156.842.035.509	2.026.683.268.449
<u>Trong đó:</u>		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	16.452.051.354	5.198.209.275

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	596.812.277.849	1.204.652.975.159
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.589.757.916	28.585.813.343
Cộng	600.402.035.765	1.233.238.788.502

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	85.606.609.054	31.685.993.905
Lãi bán các khoản đầu tư	2.043.458	55.928.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.500.000	3.605.851.180
Lãi chênh lệch tỷ giá	246.520	7.951
Cộng	85.610.399.032	35.347.781.236

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	220.242.839.269	82.185.812.180
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	60.606.289.299	(17.307.181.557)
Chi phí phát hành trái phiếu	11.352.380.952	3.327.958.252
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.000.000.000
Chi phí tài chính khác	18.781.167	85.559.775
Cộng	292.220.290.687	69.292.148.650

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới, quảng cáo	62.678.224.173	157.581.910.765
Chi phí khác	1.291.005.747	2.941.163.959
Cộng	63.969.229.920	160.523.074.724

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	60.642.354.786	52.067.771.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.223.253.726	4.656.371.174
Chi phí giao tế	11.512.707.790	11.226.287.101
Chi phí khác	35.104.014.372	47.616.559.849
Cộng	112.482.330.674	115.566.989.681

9. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	400.742.748	-
Lãi phạt chậm thanh toán	1.060.268.672	1.393.679.053
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	1.061.140.300	3.202.658.413
Chênh lệch giá trị tài sản góp vốn và chuyển nhượng	-	873.659.683.288
Thu nhập khác	3.548.436.811	754.091.687
Cộng	6.070.588.531	879.010.112.441

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	69.773.194.436
Các khoản nộp phạt	5.657.795.509	2.172.672.659
Chi phí khác	5.059.092.662	13.669.538.233
Cộng	10.716.888.171	85.615.405.328

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Tập đoàn DIC sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	168.732.247.855	1.276.804.755.241
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	21.430.552.731	124.200.441.942
- Các khoản điều chỉnh tăng	21.432.052.731	127.806.293.122
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.500.000)	(3.605.851.180)
Thu nhập tính thuế	190.311.542.839	1.401.005.197.183
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động bất động sản	190.162.800.586	1.441.175.373.331
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác	-	(40.170.176.148)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.032.560.117	288.235.074.666

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bất động sản	596.812.277.849	1.204.652.975.159
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.589.757.916	28.585.813.343
Chi phí nhân công	60.642.354.786	52.067.771.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	9.305.416.967	10.127.595.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.190.931.963	168.808.197.866
Chi phí khác	32.312.856.878	45.086.499.845
Cộng	776.853.596.359	1.509.328.852.907

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tăng vốn bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	849.728.490.000	913.984.110.000
Phát hành cổ phiếu bằng thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển	249.881.840.000	-
Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư một phần bằng bù trừ công nợ	8.175.233.564	-
Góp vốn vào công ty con bằng bất động sản đầu tư	-	53.520.000.000

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	1.187.659.337.320	826.030.562.316
Phát hành trái phiếu thường	-	3.379.300.000.000
Cộng	1.187.659.337.320	4.205.330.562.316

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(856.302.738.263)	(829.889.867.141)
Mua lại trái phiếu thường trước hạn	(1.600.000.000.000)	-
Cộng	(2.456.302.738.263)	(829.889.867.141)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn DIC khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn DIC có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu			16.452.051.354	5.198.209.275
Công ty TNHH Du lịch DIC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	13.242.283.644	1.312.194.586
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Bê tông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	165.790.625	329.268.225
Công ty CP Vina Đại Phước	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.940.267.900	3.331.361.950
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Số 1	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	35.850.840	27.503.282
Công ty CP Đầu tư Phát triển Tâm nhìn DIC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	23.027.777	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại DIC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	23.027.777	-
DIC Phương Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	13.509.259	-
Công ty CP bất động sản D.I.C	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	8.293.532	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	182.220.323
Công ty CP Xây dựng DIC Holdings	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	15.660.909
Các hoạt động khác				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Số 1	Công ty con	Chi phí xây dựng Cổ tức cổ phiếu	155.341.788.128 4.883.130.000	77.715.001.410
Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2	Công ty con	Chi phí xây dựng Cổ tức bằng tiền Cổ tức bằng cổ phiếu	123.294.039.155 - 3.279.980.000	143.290.022.075 630.900.000 -
Công ty CP Gạch men Anh Em DIC	Công ty con	Lãi cho vay	3.565.550.609	3.760.575.267
Công ty TNHH Du lịch DIC	Công ty con	Chi phí dịch vụ Bán tài sản	4.135.553.986 111.474.056	3.887.576.171 330.000.000
Công ty CP Xây dựng DIC Holdings	Công ty liên kết	Chi phí xây dựng Cổ tức bằng cổ phiếu	2.255.611.745 8.972.060.000	24.923.147.810 -
Công ty CP bất động sản D.I.C	Công ty liên kết	Chi phí môi giới Chi phí dịch vụ	39.716.061.062 27.600.000	205.949.513.016 -
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam	Cùng tập đoàn	Chi phí tiếp khách Chi phí thuê đất Thu lãi cho vay	1.472.127.222 1.025.086.300 21.255.156.850	1.609.648.023 - 6.635.725.752

5218
CÓN
TH NHI
CH V
CHÍNH
A KIẾ
NAM
- TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
-------------------	-------------	--------------------	----------------	------------------

Các hoạt động khác

Công ty Cổ Phần Đầu tư phát triển xây dựng Du Lịch Thể Thao Vũng Tàu	Công ty con	Chi phí dịch vụ	717.528.000	-
--	-------------	-----------------	-------------	---

Tại ngày cuối năm, Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

		31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu của khách hàng		6.356.777.526	8.945.497.428
Công ty CP bất động sản D.I.C	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.191.469.446	7.647.647.607
Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2	Cung cấp dịch vụ	128.742.486	128.742.486
Công ty TNHH Du lịch DIC	Cung cấp dịch vụ	18.600.000	156.566.274
Công ty CP Xây dựng DIC Holdings	Cung cấp dịch vụ	-	331.424.913
Công ty CP Vina Đại Phước	Cung cấp dịch vụ	-	298.506.225
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Số 1	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.965.594	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Bê tông	Cung cấp dịch vụ	-	382.609.923
Trả trước cho người bán ngắn hạn		186.499.974.132	186.499.974.132
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam	Trả trước thực hiện dự án	186.499.974.132	186.499.974.132
Phải thu về cho vay		294.230.000.000	297.580.000.000
Ngắn hạn			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam	Cho vay	241.430.000.000	242.780.000.000
Dài hạn			
Công ty CP Gạch men Anh Em	Cho vay	52.800.000.000	54.800.000.000
Phải thu khác		176.361.162.536	170.247.013.040
Ngắn hạn		173.361.162.536	167.247.013.040
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam	Chi hộ	26.964.235.792	26.964.235.792
	Lãi vay phải thu	35.906.970.042	14.651.813.192
	Ký quỹ	84.748.862.845	87.191.647.357
Công ty CP Gạch men Anh Em	Lãi vay phải thu	25.611.093.857	22.045.543.248
Công ty TNHH Du lịch DIC	Chi hộ	-	15.940.501.271
Công ty CP Vina Đại Phước	Cổ tức phải thu	-	453.272.180
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp DIC	Chi hộ	100.000.000	-
Công ty CP Xây dựng DIC Holdings	Chi hộ	30.000.000	-
Dài hạn		3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại DIC	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	3.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		420.983.269.313	151.756.572.029
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Số 1	Chi phí xây dựng	61.252.982.951	18.130.686.417
Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) số 2	Chi phí xây dựng	122.203.119.069	35.462.059.420
Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings	Chi phí xây dựng	18.153.147.923	19.990.277.504
Công ty Cổ phần Bất động sản D.I.C	Chi phí môi giới	1.161.132.144	73.015.060.525
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phương Nam	Chi phí dịch vụ	570.592.790	243.192.196
Công ty TNHH Du lịch DIC	Chuyển nhượng khoản đầu tư	217.224.766.436	4.915.295.967
Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Du lịch Thể thao Vũng Tàu	Chi phí dịch vụ	417.528.000	-
Phải trả khác		202.743.927.581	157.884.645.326
Công ty CP Thủy Cung DIG	Mượn tiền	147.250.000.000	147.250.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Nam	Mượn tiền	9.224.671.181	10.634.645.326
Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2	Thu hộ	5.400.000.000	-
Công ty CP Xây dựng DIC Holdings	Thu hộ	35.869.256.400	-
Công ty TNHH Du Lịch DIC	Ký quỹ	5.000.000.000	-

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm như sau:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		4.790.000.000	2.830.000.000
Ông Nguyễn Thiện Tuấn	Chủ tịch	1.950.000.000	1.300.000.000
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Chủ tịch	1.495.000.000	975.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phó Chủ tịch (Từ 18/02/2022 Thành viên (Đến 18/02/2022))	1.030.000.000	120.000.000
Ông Hoàng Văn Tăng	Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Phan Văn Danh	Thành viên độc lập (Từ ngày 28/01/2021)	195.000.000	165.000.000
Bà Phan Thị Mai Hương	Thành viên độc lập (Đến ngày 22/04/2021)	-	45.000.000
Ông Nguyễn Quang Tín	Thành viên (Đến ngày 22/04/2021)	-	30.000.000
Bà Nguyễn Thảo My	Thành viên độc lập (Đến ngày 22/04/2021)	-	45.000.000
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên (Đến ngày 28/01/2021)	-	15.000.000
Ông Trần Thái Phong	Thành viên (Đến ngày 28/01/2021)	-	15.000.000
Thù lao của thành viên Ban Kiểm toán nội bộ			
Ông Phan Văn Danh	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc			
Lương, thưởng và phúc lợi khác		1.716.065.353	1.247.221.554
Những người quản lý khác			
Lương, thưởng và phúc lợi khác		6.379.736.894	6.313.190.842

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn DIC là kinh doanh bất động sản, dịch vụ. Trong đó: lĩnh vực kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng chủ yếu. Doanh thu và giá vốn đã được thuyết minh tại VI.1 và VI.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn DIC chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

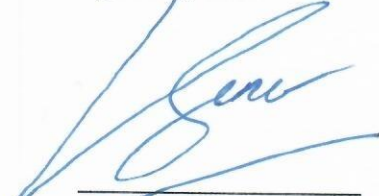
4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn DIC. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Tập đoàn DIC được lập trên cơ sở giả định Tập đoàn DIC sẽ hoạt động liên tục.


Người lập biểu



Lê Thành Hưng

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng



Bùi Văn Sự

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Tăng